

# LUẬN DU GIÀ SỬ ĐỊA

## QUYỂN 36

### PHẦN BẢN ĐỊA Địa Thứ 15: ĐỊA BỒ TÁT

#### **Đoạn 1: Trì Du Già Xứ. Phẩm 3 Phần 2: Tự Tha Lợi**

Thế nào là Bồ tát với nhân thân tóm tự lợi lợi tha, quả thân tóm tự lợi lợi tha? Là lược nói về ba nhân ba quả, nên biết. Những gì là ba nhân ba quả? Đó là:

1. Nhân dị thực, quả dị thực.
2. Nhân phước, quả phước.
3. Nhân trí, quả trí.

Thế nào là dị thực? Tức lược có tám thứ:

1. Thọ lượng đầy đủ.
2. Hình sắc đầy đủ.
3. Tộc họ đầy đủ.
4. Tự tại đầy đủ.
5. Lời nói được tin tưởng đầy đủ.
6. Uy thế lớn đầy đủ.
7. Tánh người đầy đủ.
8. Đại lực đầy đủ.

Nếu các Bồ tát trụ lâu, trường thọ, đó gọi là Bồ tát thọ lượng đầy đủ. Hình sắc đoan nghiêm, mọi người đều vui thích nhìn, gặp, dung mạo thù diệu, đó gọi là Bồ tát hình sắc đầy đủ. Sanh nơi gia đình hào quý, đó gọi là Bồ tát tộc họ đầy đủ. Đạt được tài sản, địa vị lớn, có sự hỗ trợ vững chắc, có bạn bè, thuộc hạ đông đảo, đó gọi là Bồ tát tự tại đầy đủ. Được nhiều người tin, kính, xét đoán việc kiện tụng luôn giữ đúng phép

tắc, không làm việc dua nịnh, dối gạt, giả trá về mua bán cân đong, nhận vật gởi gắm của người trọn không sai trái, đối với các hữu tình, lời nói không hư vọng, do các nhân duyên ấy nên mọi lời nói ra không ai là không tin nhận. Đó gọi là Bồ tát với lời nói được tin tưởng đầy đủ.

Có tiếng tăm lớn, khắp thế gian đều nghe, biết. Tức là đầy đủ về sức khỏe, sức mạnh, về sự tinh tấn, cương nghị, nhanh nhẹn, tháo vát, thẩm định đều theo giới thiện, các thứ kỹ nghệ, các nơi chốn nghề nghiệp công xảo lần lượt thấu đạt, thông thạo, hơn hẳn những người khác. Do nhân duyên ấy nên được đời tôn quý, được mọi người cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi. Đó gọi là Bồ tát có uy thế lớn đầy đủ.

Gồm đủ phần tướng phu, nam căn thành tựu, đó gọi là Bồ tát có tánh người đầy đủ. Vì tánh ít bệnh hoặc hoàn toàn không bệnh, có năng lực lớn có thể gánh vác được nhiều công việc, đó gọi là Bồ tát có đại lực đầy đủ.

Thế nào là nhân dị thực? Nghĩa là các Bồ tát đối với các chúng sanh không gây tạo sự tổn hại, xa lìa tất cả ý ưa thích tạo tổn hại. Đó gọi là Bồ tát tạo nhân thọ lượng đầy đủ. Bồ thí y phục, vật dụng sạch đẹp, ban phát ánh sáng, đó gọi là Bồ tát tạo nhân hình sắc đầy đủ. Đối với các chúng sanh lìa bỏ kiêu mạn, đó gọi là Bồ tát tạo nhân tộc họ đầy đủ. Đối với các chúng sanh thiếu thốn những vật dụng cần thiết cho đời sống phải đi đây đó để cầu xin, Bồ tát theo chỗ mong muốn của họ mà bố thí, đó gọi là Bồ tát tạo nhân tự tại đầy đủ. Lời nói luôn thành thật, cũng không chuộng theo lời nói trái lìa, thô ác, không thuận hợp, đó gọi là Bồ tát tạo nhân cho lời nói được tin tưởng đầy đủ. Thâu giữ các thứ công đức nơi vị lai, đối với tự thân phát khởi thệ nguyện rộng lớn, cúng dường Tam bảo cùng các bậc tôn trưởng, đó gọi là Bồ tát tạo nhân cho uy lực lớn đầy đủ. Vui thích thân tướng nam nhi, chán lìa thân tướng nữ vì thấy rõ những lỗi lầm tai họa. Do hai nhân duyên nên giúp cho tánh của kẻ khác: Một là đối với người nữ ưa thích thân nữ, thì khuyên họ khấn chán lìa, giải thoát khỏi thân nữ. Hai là đối với người nam sắp mất nam căn, dùng phương tiện che chở, thâu giữ khiến không hoại mất, lại thuyết giảng chánh pháp khiến đạt được thân nam. Đó gọi là Bồ tát tạo nhân của tánh người đầy đủ. Đối với các chúng sanh, luôn đem thân làm việc giúp đỡ, theo chỗ hành xử tạo dựng đúng pháp của họ đều lui tới hỗ trợ. Như sức của mình có thể dùng chánh pháp, chứ không dùng sự thô bạo, do đấy có khả năng làm tăng trưởng uy lực của thân tâm, bố thí cho các chúng sanh vô số những thứ ăn uống như cơm cháo, bánh v.v...

Đó gọi là Bồ tát tạo nhân đại lực đầy đủ. Nên biết tám thứ dị thực nói ở trước, do tám thứ vừa nêu này làm nhân.

Lại nữa, các nhân này lược do ba duyên mà được tăng trưởng, có thể chiêu cảm khiến khởi dị thực rộng lớn tăng thượng viên mãn. Những gì là ba duyên? Đó là tâm thanh tịnh, gia hạnh thanh tịnh và ruộng thanh tịnh. Nếu đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng đạt được ý lạc thanh tịnh, dùng thiện căn ấy quyết định hồi hướng, ý vui thích mãnh liệt, có được sự tin tưởng thanh tịnh rộng lớn, thuần hậu để tu tập, thấy người đồng pháp, sanh khởi hoan hỷ sâu xa, nơi ngày đêm trong từng sát na luôn gắn liền với pháp với tâm với tứ, gọi là tâm thanh tịnh. Tức trong ấy, qua thời gian dài thường thực hành không gián đoạn, luôn nối tiếp. Người khác đối với điều thiện này nếu chưa tiếp nhận làm theo thì khen ngợi khiến họ vui mừng. Đối với những thiện căn hiện có như thế nên kiến lập ở nơi chốn an ổn, gọi là gia hạnh thanh tịnh. Nên biết lược nêu về khả năng phát khởi đúng đắn gia hạnh như thế, cùng an trụ đúng đắn nơi quả của gia hạnh ấy, gọi là “ruộng” thanh tịnh.

Thế nào là quả dị thực? Nghĩa là các Bồ tát với thọ lượng đầy đủ, nên có thể ở trong thời gian lâu dài tu tập phẩm thiện, dựa nơi tự lợi lợi tha, chứa nhóm làm tăng trưởng vô lượng thiện căn, đó gọi là Bồ tát đạt quả thọ lượng đầy đủ.

Nếu các Bồ tát với hình sắc đầy đủ nên được đại chúng yêu thích, do yêu thích nên đều cùng quy ngưỡng. Hình sắc đáng yêu thích như thế, nên hết thảy đại chúng đều quy ngưỡng, do đấy những lời nói ra không ai là không lắng nghe, ứng dụng. Đó gọi là Bồ tát đạt được quả hình sắc đầy đủ.

Hoặc các Bồ tát với tộc họ đầy đủ, nên được đại chúng tôn kính, cúng dường tán dương. Do được mọi người tôn kính cúng dường tán dương, nên Bồ tát trong công việc khuyến bảo các chúng sanh siêng năng tinh tấn tu học, không ai là không cung kính vâng theo, mau chóng tu hành, không hề trái, phạm. Đó gọi là Bồ tát đạt được quả tộc họ đầy đủ.

Hoặc các Bồ tát với tự tại đầy đủ, nên có thể dùng bố thí để thấu phục các chúng sanh, mau chóng khiến thành tựu trọn vẹn. Đó gọi là Bồ tát đạt được quả tự tại đầy đủ.

Hoặc các Bồ tát với lời nói được tin tưởng đầy đủ, có thể dùng ái ngữ, lợi hành, đồng sự thấu tóm các chúng sanh, mau chóng khiến thành tựu trọn vẹn. Đó gọi là Bồ tát thu đạt quả lời nói được tin tưởng đầy đủ.

Hoặc các Bồ tát với uy thế lớn đầy đủ, đối với vô số sự việc tạo dựng của các chúng sanh đều có thể hỗ trợ, ban phát khắp các ân đức. Do ân đức ấy cảm ứng nơi tâm chúng sanh khiến họ biết ân nên cùng đến quy ngưỡng, mọi lời nói chỉ dạy của Bồ tát đều mau chóng tùy chuyển, đều được cung kính tin dùng. Đó gọi là Bồ tát đạt được quả uy thế lớn đầy đủ.

Hoặc các Bồ tát với tánh người đầy đủ, nên nam căn thành tựu, có thể gắng sức làm vật chứa đựng tất cả công đức thù thắng, có thể đối với hết thảy chỗ tạo tác, gây dựng, xét chọn tất cả cảnh giới được nhận biết, đều đạt vô sở úy, không chướng ngại mà thực hành. Hết thảy hữu tình, nơi tất cả thời đều cùng tập hợp đông đủ. Nơi chốn kín đáo hoặc trống trải, mọi ngôn luận cùng trụ, thọ dụng các thức ăn uống đều không nghi ngại. Đó gọi là Bồ tát đạt được quả tánh người đầy đủ.

Hoặc các Bồ tát với đại lực đầy đủ, đối với khả năng gia hạnh để dẫn dắt thâm tóm pháp thiện, cùng khả năng gia hạnh tạo lợi ích cho hữu tình đều không chán mệt, luôn tinh tấn dũng mãnh, tinh tấn kiên cố, mau chóng chứng đắc thông huệ. Đó gọi là Bồ tát đạt được quả đại lực đầy đủ.

Nếu các Bồ tát thành tựu tám thứ dị thực như thế, gồm đủ tám thứ quả, tức có thể khéo tạo lợi ích cho hết thảy hữu tình, tùy thuận sanh khởi tất cả pháp Phật. Bồ tát an trụ trong quả dị thực, đối với vô số thứ loại sự nghiệp tạo lợi ích cho các hữu tình, tự có năng lực cùng khéo an lập cho các hữu tình được hóa độ. Bồ tát đối với sự việc của chính mình tùy thuận mà làm. Như vậy mới gọi là thuận theo chỗ mong muốn của họ mà mọi nẻo tạo tác đều thành tựu trọn vẹn. Nếu các Bồ tát tự có năng lực, nhưng không khéo an lập các hữu tình được hóa độ, thì Bồ tát đối với sự việc của chính mình không tùy thuận hành tác. Như thế đối với việc tạo lợi ích cho kẻ khác không gọi là tùy thuận, không gọi là thành tựu tốt đẹp. Do nhân duyên ấy nên không gọi là có thể tạo được lợi ích cho kẻ khác. Nếu các Bồ tát tự mình không có năng lực mà khéo an lập cho các chúng sanh được hóa độ, thì Bồ tát ấy đối với việc mình làm tùy thuận hành tác, như thế nơi sự việc tạo lợi ích cho kẻ khác không được gọi là tùy thuận, không được gọi là thành tựu tốt đẹp. Do nhân duyên này nên không gọi là có thể tạo được lợi ích cho kẻ khác. Vì thế, Bồ tát cần phải hội đủ hai sự việc, mới đối với chỗ tạo lợi ích cho hữu tình gọi là tùy thuận, gọi là thành tựu tốt đẹp. Do nhân duyên ấy mới được gọi là có thể tạo lợi ích cho kẻ khác.

Như thế, Bồ tát trụ nơi quả dị thực tự mình có thể thành tựu trọn

ven hết thầy pháp Phật, cũng có thể khiến cho kẻ khác đối với đạo pháp của ba thừa, tùy chỗ ứng hợp, mau chóng được thành tựu đầy đủ. Lại có thể khiến mình mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, cũng có thể khiến cho những kẻ khác đã thành tựu đầy đủ, mau chóng đạt được giải thoát. Do các Bồ tát an trụ trong tám thứ quả dị thực có thể khiến cho hữu tình được lợi ích an lạc. Vì thế, hết thầy hữu tình nơi nẻo sanh tử từ vô thủy, ở chốn hoàn toàn không có nghĩa lợi lớn.

Thế nào là phước? Thế nào là trí? Nghĩa là lược nêu phước tức là ba thứ Ba-la-mật-đa:

- Thí Ba-la-mật-đa.
- Giới Ba-la-mật-đa.
- Nhẫn Ba-la-mật-đa.

Còn trí chỉ là một thứ Ba-la-mật-đa là? Tuệ Ba-la-mật-đa. Tinh tấn Ba-la-mật-đa và Tĩnh lự Ba-la-mật-đa, nên biết là chung cho hai phần phước và trí. Nếu dựa nơi tinh tấn để tu tập bố thí, thọ giữ tịnh giới cùng tu bốn thứ vô lượng như từ v.v... thì các loại tinh tấn hiện có như thế, gọi là phần phước. Nếu dựa vào tinh tấn hành tập ba huệ do Văn, Tư, Tu tạo thành, tu Uẩn khéo léo, tu Giới khéo léo, tu Xứ khéo léo, tu Duyên khởi khéo léo, tu Xứ phi xứ khéo léo, tu có thể quan sát: Khổ là Khổ chân thật, Tập là Tập chân thật, Diệt là Diệt chân thật, Đạo là Đạo chân thật, cùng đối với tất cả pháp thiện, bất thiện, có tội không tội, hoặc kém hoặc hơn, hoặc đen hoặc trắng, và phân biệt rộng trong pháp duyên sanh đều có thể quán sát, xét chọn như thật. Các loại tinh tấn hiện có như thế gọi là phần trí.

Nếu dựa vào Tĩnh lự tu tập bốn thứ vô lượng như từ v.v... thì các loại Tĩnh lự hiện có như thế gọi là phần phước. Nếu dựa vào Tĩnh lự có thể tu Uẩn khéo léo v... trong Ba-la-mật Tinh tấn như trước đã nói, thì các loại Tĩnh lự hiện có như vậy gọi là phần trí. Như thế, phước, trí lược có sáu thứ, mỗi mỗi phân biệt nên biết là vô lượng.

Thế nào là nhân phước? Thế nào là nhân trí? Nên biết lược nói về nhân phước, nhân trí gồm có ba thứ:

1. Đối với phước, đối với trí, có thể đạt được, có thể an trụ, có thể làm tăng trưởng sự mong muốn.

2. Đối với phước, đối với trí, khéo có thể tùy thuận, không trái với duyên.

3. Đối với phước, đối với trí, trước đã thường xuyên hành tập. Ở đây nói “Tùy thuận không trái với duyên”: Nghĩa là duyên diên đảo không hiện tiền, không gặp gỡ nơi tánh. Duyên không diên đảo chính

thức hiện tiền, gặp gỡ nơi tánh.

Nếu gặp phải bạn xấu ác giảng nói điên đảo về phước, trí, hoặc tác ý điên đảo, điên đảo chấp giữ, gọi là duyên điên đảo hiện tiền, gặp gỡ. Các phẩm trắng hiện có trái ngược với điều ấy, nên biết gọi là duyên không điên đảo hiện tiền gặp gỡ. Nếu đối với phước, trí có thể đạt được, có thể an trụ, cùng có thể làm tăng trưởng việc siêng năng tu tập, mọi chướng ngại đều xa lìa, không khởi, nên biết đó gọi là không trái với duyên.

Nếu các Bồ tát ở trong ba thứ nhân của phước, trí như thế, theo đây có chỗ thiếu sót, nên biết là không thể sanh phước sanh trí.

Thế nào là quả của phước? Thế nào là quả của trí? Nghĩa là các Bồ tát nương dựa nơi phước, nên tuy trong thời gian dài lưu chuyển nơi sanh tử nhưng không bị các thứ khổ não tổn hại. Lại, theo chỗ mong muốn có thể thâm tóm chúng sanh, vì họ tạo nghĩa lợi. Nương dựa nơi trí nên cho thâm nhận phước là chánh không phải là tà. Lại có thể khởi tạo vô số vô lượng sự việc thiện xảo, cho đến cứu cánh là sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng. Như vậy là đã lược nói về quả của phước, quả của trí. Nên biết là như chỗ ứng hợp, sự sai biệt của bốn thứ phẩm loại ấy lại có vô lượng.

Ở đây nên biết, hoặc thể dị thực, hoặc nhân dị thực, hoặc quả dị thực, tất cả đều dựa nơi phước, từ phước sanh ra. Phước lại dựa nơi trí, từ nơi trí phát khởi. Vì thế, hai thứ ấy đối với việc chứng đắc đạo quả Bồ đề Vô thượng, tuy cùng là thù thắng, nhưng ở trong ấy, phước là tối thắng, trí là vô thượng. Nếu các Bồ tát đối với phước, đối với trí thiếu đi một thứ thì quyết định không thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng. Đó gọi là Bồ tát với nhân thâm tóm tự lợi lợi tha, quả thâm tóm tự lợi lợi tha.

Thế nào là Bồ tát, nơi hiện pháp, hậu pháp đạt tự lợi lợi tha? Nghĩa là các Bồ tát do xứ nghiệp công xảo như chánh lý, có tác dụng của sĩ phu, nên chứa nhóm tài sản vật dụng, tức đối với chỗ tài sản vật dụng được tích tập như vậy nhận biết về lượng để thọ dụng. Lại nữa, quả dị thực của nghiệp quả đáng yêu thích đã tạo từ trước giờ đã chín, nên Bồ tát ở trong hiện pháp thọ dụng quả ấy.

Lại nữa, các Bồ tát đối với các Tĩnh lự khéo xoay chuyển, vì muốn đạt được hiện pháp lạc trú, nên ở trong hiện pháp, dựa vào Tĩnh lự ấy, vì không thành lập sự việc lợi tha nên chỉ dựa nơi Tĩnh lự.

Lại nữa, hiện pháp Niết bàn hiện có của chư Như-lai nơi thế gian và xuất thế gian, tất cả đều có thể đạt được hiện pháp Niết bàn nơi các

pháp hữu vi. Đó gọi là Bồ tát nơi hiện pháp đạt được tự lợi.

Như các Bồ tát nơi hiện pháp đạt được tự lợi, như vậy Bồ tát giáo hóa hữu tình, do đầy đạt được lợi ích nơi hiện pháp, nên biết tức là lợi tha của hiện pháp.

Nếu ở nơi cõi Dục có thể đạt được tài sản, vật báu đầy đủ, tự thể đầy đủ của đời khác, cùng có thể sẽ sanh Tịnh lự, vô sắc. Nếu sanh trong Tịnh lự và vô sắc, tức có thể đạt được tài sản, vật báu đầy đủ, tự thể đầy đủ của đời khác. Nếu ở trong hiện pháp, cùng với ưu, khổ đều luôn luôn xét chọn, tu tập nhân thiện, đó gọi là Bồ tát tu tập tự lợi lợi tha của hậu pháp.

Hoặc các Bồ tát ở trong hiện pháp cùng với hỷ, lạc đều tu tập đạt được tài sản, vật báu đầy đủ, tự thể đầy đủ của đời vị lai, nơi nhân thiện hiện có, cùng với tất cả pháp đẳng chí vô sắc và phần Tịnh lự không thối chuyển, đó gọi là Bồ tát nơi hiện pháp hậu pháp đạt tự lợi lợi tha.

Thế nào là tự lợi lợi tha rốt ráo và không rốt ráo? Nghĩa là ở nơi cõi Dục, tài sản vật báu đầy đủ, tự thể đầy đủ, hoặc nhân hoặc quả, cùng với các phạm phu nơi thế gian hoặc nhân hoặc quả thanh tịnh, là tự lợi lợi tha không rốt ráo.

Nếu các phiền não, hết thảy đều đoạn trừ vĩnh viễn, hoặc tám chi Thánh đạo hiện có, nếu đầy là dựa nơi chỗ đạt được tất cả pháp thiện của thế gian, đó gọi là tự lợi lợi tha rốt ráo.

Do ba nhân duyên, nên biết rốt ráo và không rốt ráo:

1. Do tự tánh.
2. Do thối chuyển, không thối chuyển.
3. Do thọ dụng quả có tận, không tận.

Do tự tánh: Niết bàn cứu cánh gọi là rốt ráo. Hết thảy hữu vi gọi là không rốt ráo.

Do thối chuyển, không thối chuyển và do thọ dụng quả có tận, không tận: Tám chi Thánh đạo không có thối chuyển cùng thọ dụng quả không tận, gọi là rốt ráo. Ngoài ra, tất cả pháp hữu lậu thiện, do có thối chuyển cùng thọ dụng quả có tận, nên gọi là không rốt ráo.

Bồ tát với mười thứ tự lợi lợi tha như vậy hoặc tóm lược hoặc nói rộng. Bồ tát tùy theo năng lực nên siêng năng tu học. Trừ những thứ ấy ra thì không có gì hoặc vượt quá hoặc tăng thêm. Hết thảy tự lợi lợi tha hiện có của quá khứ vị lai đã học sẽ học, cũng đều chỉ có mười thứ tự lợi lợi tha như thế. Ngoại trừ những thứ ấy thì không có gì hoặc vượt quá hoặc tăng.

**Địa thứ 15: Địa Bồ tát**  
**Đoạn 1: Trì Xứ Du Già**  
**Phẩm 4: Nghĩa Chân Thật**

Thế nào là nghĩa chân thật? Tức lược có hai thứ:

1. Dựa nơi tánh chân thật của các pháp thuộc như tánh hiện có.
2. Dựa nơi tất cả tánh của các pháp thuộc toàn bộ tánh hiện có.

Tất cả tánh nơi tánh chân thật của các pháp như vậy nên biết gọi chung là nghĩa chân thật. Phẩm loại sai biệt của nghĩa chân thật này lại có bốn thứ:

1. Chân thật của thế gian cực thành.
2. Chân thật của đạo lý cực thành.
3. Chân thật nơi đối tượng được hành tác của trí làm tịnh phiền não chướng.
4. Chân thật nơi đối tượng được hành tác của trí làm tịnh sở tri chướng.

Thế nào là chân thật của thế gian cực thành? Nghĩa là tất cả thế gian đối với các sự việc ở đấy tùy thuận giả lập, từ thế tục thường xuyên hành tập ngộ nhập giác huệ, chỗ thấy biết đồng tánh, tức như đất chỉ là đất chẳng phải là lửa v.v... Như đất nước lửa gió, sắc thanh hương vị xúc, thức ăn uống, y phục, xe cộ, các vật dụng để trang sức, các thứ vật dùng cần thiết cho đời sống, hương xoa, vòng hoa, ca múa kỹ nhạc, vô số ánh sáng, nam nữ thừa sự, ruộng vườn nhà cửa, quán xá v.v... nên biết cũng như vậy. Khổ chỉ là khổ không phải là lạc v.v... Lạc chỉ là lạc không phải là khổ. Nói tóm lại, đây tức như đây, chẳng phải là chẳng như đây. Thị tức như thị, không phải là không như thị, quyết định thắng giải đối với sự việc nơi cảnh giới được hành trì, tất cả thế gian đều từ nơi bản tế ấy lần lượt truyền đi. Tương tự phân biệt cũng chỗ thành lập, không do tư duy, lường tính quan sát, sau đấy mới giữ lấy. Đó gọi là chân thật của thế gian cực thành.

Thế nào là chân thật của đạo lý cực thành? Nghĩa là các bậc trí có nghĩa đạo lý, các bậc thông tuệ, các hàng trí sáng, những người có thể tâm tứ, có thể xét kỹ, những vị trụ nơi địa tâm tứ, các vị có đủ tự biện tài, những kẻ ở phần vị phàm phu, những hành giả quán sát, nương dựa nơi Hiện lượng, Tỷ lượng cùng Chí giáo lượng, khéo xét chọn quyết định sự việc của trí được hiện bày của nẻo hành hóa nơi trí, do chứng thành đạo lý được kiến lập, được nêu đặt. Đó gọi là chân thật của đạo lý cực thành.

Thế nào là chân thật nơi đối tượng được hành tác của trí làm tịnh



phiền não chướng? Nghĩa là hết thủy Thanh-văn, Độc giác, hoặc trí vô lậu, hoặc có thể dẫn khởi trí vô lậu, hoặc là cảnh giới nơi đối tượng hành hóa của trí hậu đắc thế gian, vô lậu. Đó gọi là chân thật nơi đối tượng được hành tác của trí làm tịnh phiền não chướng. Do duyên nơi đây làm cảnh, nên từ phiền não chướng, trí được thanh tịnh, đối với đời vị lai trụ nơi không chướng ngại. Vì thế gọi là chân thật nơi đối tượng được hành hóa của trí làm tịnh phiền não chướng. Đây lại là thế nào? Tức là Bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo Thánh đế. Đối với nghĩa của Bốn Thánh đế như vậy, hết sức khéo léo xét chọn, chứng nhập hiện quán, nhập hiện quán rồi, trí như thật sanh. Hiện quán đế này, hàng Thanh văn, Độc giác có thể quá, chỉ nơi các uẩn là có thể đạt được, ngoại trừ các uẩn thì ngã không thể có. Luôn hành tập về các hành sanh diệt của duyên sanh tương ứng với huệ. Thường hành tập uẩn khác nơi Bồ-đặc-già-la không tánh, kiến, nên phát sanh hiện quán Thánh đế như vậy.

Thế nào là chân thật nơi đối tượng hành hóa của trí làm tịnh sở tri chướng? Nghĩa là nơi đối tượng được nhận biết (sở tri) có thể gây tạo ngăn ngại cho trí nên gọi là sở tri chướng. Từ nơi sở tri chướng đạt được cảnh giới thuộc đối tượng hành của trí giải thoát, nên biết đó gọi là chân thật đối tượng hành tác của trí làm tịnh sở tri chướng. Đây lại là thế nào? Tức là các Bồ tát hội nhập pháp vô ngã của chư Phật Thế Tôn. Nhập rồi thì khéo làm tịnh nơi tất cả pháp, lìa tự tánh của ngôn từ, giả nói về tự tánh bình đẳng, về cảnh giới nơi đối tượng hành tác của trí không phân biệt, bình đẳng. Cảnh giới như vậy là biên vực nơi đối tượng nhận thức vô thượng của chân như bậc nhất, tối thắng. Ngang bằng với tất cả chánh pháp này để xét chọn thấy đều thối chuyển, không thể vượt qua.

Lại nữa, an lập tướng của nghĩa chân thật này, nên biết tức là hiển bày về pháp không hai. Gọi là hai, tức có, chẳng phải là có. Ở đây mới là có: Là chỗ an lập giả nói về tự tánh, tức chỗ chấp về thời gian dài của thế gian, cũng là căn bản của tất cả hý luận phân biệt nơi thế gian. Hoặc cho là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Hoặc cho là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Hoặc lại cho là đất, nước, gió lửa. Hoặc lại cho là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hoặc cho là thiện, bất thiện, vô ký. Hoặc cho là sanh diệt. Hoặc gọi là duyên sanh. Hoặc gọi là quá khứ hiện tại vị lai. Hoặc gọi là hữu vi. Hoặc gọi là vô vi. Hoặc gọi là đời này. Hoặc cho là đời khác. Hoặc cho là ngày tháng. Hoặc lại cho là các đối tượng được thấy, nghe, hiểu, biết, cầu, đạt, ý theo tâm tứ. Sau cùng cho đến hoặc gọi là Niết bàn. Các loại như thế là cùng thấu rõ các pháp của thế gian

giả nói về tự tánh. Đó gọi là có.

Nói không phải có: Là giả nói về tự tánh của các sắc, cho đến giả nói về tự tánh của Niết bàn, không sự không tướng, giả nói về chỗ dựa, hết thấy đều không, giả lập ngôn thuyết, dựa vào đây mà chuyển, đều không thực có. Đó gọi là không phải có.

Trước nói về có, nay nói về không có. Có và không có, cả hai đều xa lìa vì pháp tướng được gồm thâu nơi tánh chân thật. Đó gọi là không hai. Do không hai nên nói là Trung đạo, xa lìa hai biên cũng gọi là vô thượng. Trí của Phật Thế Tôn đối với chân thật này hiển bày việc học đạo. Lại, huệ này tức là các Bồ tát có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, theo phương tiện rộng lớn. Vì sao? Vì do các Bồ tát ở nơi sanh tử, trong các đời kia tu tập giải thoát không, khéo có thể thành tựu tất cả pháp Phật và các hữu tình. Lại có thể nhận biết đúng như thật về sanh tử, không bị cuốn theo sanh tử, do đối với các hành như vô thường v.v... tâm sanh chán lìa sâu xa. Nếu các Bồ tát không thể nhận biết đúng như thật về sanh tử, tức không thể đối với tất cả phiền não như tham sân si, tâm nhất quyết dứt bỏ. Không thể dứt bỏ các phiền não nên tâm tạp nhiễm thọ nhận các sanh tử. Do tâm tạp nhiễm thọ nhận sanh tử nên không thể thành tựu đầy đủ tất cả pháp Phật cùng các hữu tình. Nếu các Bồ tát đối với sanh tử ấy, do các hành như vô thường nên tâm sanh chán lìa sâu xa, tức mau chóng nhập Bát Niết bàn. Các vị ấy nếu mau chóng nhập Bát Niết bàn, hãy còn không thể thành tựu đầy đủ tất cả pháp Phật cùng các hữu tình, huống hồ là có thể chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

Lại, các Bồ tát do hành tập pháp giải thoát Không như vậy, tức đối với Niết bàn không sanh sợ hãi sâu xa, cũng không có nhiều mong muốn vui thích. Nếu các Bồ tát sanh sợ hãi sâu xa đối với Niết bàn, tức đối với tư lương của Niết bàn ấy không thể viên mãn. Do đối với Niết bàn có sự sợ hãi sâu xa, nên không thấy các công đức thù thắng của Niết bàn. Do không thấy nên đối với Niết bàn xa lìa hết thấy thắng giải thanh tịnh. Nếu các Bồ tát đối với Niết bàn kia trụ nhiều vào sự mong muốn vui thích, tức thì mau chóng nhập Bát Niết bàn. Bồ tát nếu mau chóng nhập Bát Niết bàn, tức không thể thành tựu đầy đủ pháp Phật và các hữu tình. Nên biết ở đây, nếu không nhận biết đúng như thật về sanh tử thì tâm tạp nhiễm lưu chuyển nơi sanh tử. Nếu đối với sanh tử, tâm sanh chán lìa sâu xa tức mau chóng nhập Bát Niết bàn. Nếu đối với Niết bàn, tâm sanh sợ hãi sâu xa, thì đối với các thứ tư lương để có thể chứng đắc Niết bàn không thể viên mãn. Nếu đối với Niết bàn trụ

nhieu vào sự mong muốn vui thích, tức sẽ mau chóng nhập Bát Niết bàn, thì các Bồ tát này đối với việc chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng không có phương tiện lớn. Nếu có thể nhận biết đúng như thật về sanh tử, tức không có tâm nhiễm lưu chuyển nơi sanh tử. Hoặc đối với sanh tử, nếu không do các hành như vô thường v.v... khiến tâm sanh chán lìa sâu xa, tức không mau chóng nhập Bát Niết bàn. Hoặc đối với Niết bàn không sợ hãi sâu xa, tức có thể làm viên mãn các thứ tư lương của Niết bàn. Tuy đối với Niết bàn thấy có các công đức thắng lợi vi diệu, nhưng không dốc nguyện mau chóng chứng đắc Niết bàn, thì các Bồ tát này, đối với việc chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng có phương tiện lớn, là phương tiện lớn nương dựa nơi thắng giải về tánh Không tối thắng. Vì thế, Bồ tát tu tập, học đạo luôn thấu tóm thắng giải về tánh Không tối thắng, gọi là phương tiện rộng lớn có thể chứng đắc diệu trí của Như-lai.

Lại, các Bồ tát do Trí vô ngã có thể thâm nhập nơi các pháp, đối với tất cả pháp tự tánh lìa ngôn từ, nhận biết đúng như thật rồi, thấu đạt là không có chút pháp nào cùng chút phẩm loại nào có thể khởi phân biệt, chỉ giữ lấy về sự, chỉ giữ lấy chân như. Không suy niệm: Đây chỉ là sự, đây chỉ là chân như, chỉ hành nơi nghĩa.

Bồ tát hành nơi thắng nghĩa như thế nên đối với hết thảy các pháp đều bình đẳng. Bình đẳng do tuệ của chân như quán xét đúng như thật, nơi tất cả xứ gồm đủ nhận thức bình đẳng, gồm đủ tâm bình đẳng, đạt được Xả tối thắng. Nương dựa nơi xả này, nên lúc đối với các minh xứ, tất cả thiện xảo đều siêng năng tu tập, tuy lại gặp phải mọi sự khó nhọc, khổ nạn, nhưng không thối chuyển, mau chóng có thể khiến thân không mệt mỏi, tâm không mệt mỏi, đối với các thứ thiện xảo có thể nhanh chóng thành tựu, đạt được niệmlực lớn. Không nhân nơi thiện xảo mà tự cao ngạo, cũng đối với người khác không có tiếc, giấu. Đối với các thứ thiện xảo, tâm không khiếm nhược, có thể nhận lãnh để hành trì không chướng ngại, đầy đủ gia hạnh, áo mũ kiên cố, tức các Bồ tát này ở trong sanh tử, lưu chuyển theo như như dù gặp phải khổ nạn lớn. Như vậy, như vậy, đối với đạo quả Chánh đẳng Bồ đề kia, có thể làm cho tăng trưởng, như như đạt được sự tôn quý thù thắng. Như thế, như thế, nơi các hữu tình kiêu mạn dần giảm, như như chứng đắc trí huệ thù thắng. Như vậy, như vậy, càng đối với các thứ vấn nạn của kẻ khác, mọi thứ tranh tụng, ngôn luận ồn, tạp, mọi thứ bản hoặc, tùy hoặc, phạm giới hiện hành, đều có thể luôn quán xét, tâm dốc dứt bỏ. Công đức như như lần lượt tăng trưởng. Như thế, như thế, càng thêm tự thiện, không cầu

kẻ khác nhận biết, cũng không mong cầu mọi sự cung kính lợi dưỡng. Các loại như vậy, tức rất nhiều thứ thắng lợi hiện có của Bồ tát, là Bồ đề phần tùy thuận Bồ đề đều dựa nơi trí kia. Do đó, hết thấy Bồ đề đã được, sẽ được, đang được, đều dựa vào trí kia. Trừ trí ấy ra thì không có trí nào hoặc kém hoặc hơn.

Lại nữa, các Bồ tát nhân gồm thâm lý không hý luận như thế, nên đạt được rất nhiều thắng lợi như vậy, là tự thành tựu đầy đủ các pháp Phật, là thành tựu pháp ba thừa cho kẻ khác, nên tu hành chánh hạnh. Bồ tát, khi tu tập chánh hạnh như thế, đối với tài sản của tự thân xa lìa mọi tham ái, đối với chỗ học của các chúng sanh lìa bỏ tham ái, nên có thể xả bỏ tài sản, thân mạng, chỉ vì tạo lợi ích cho các chúng sanh. Lại có thể ngăn giữ, hết sức khéo ngăn giữ. Do thân ngữ v.v... tu học Luật nghi, nên tánh không ưa thích điều ác, tánh rất hiền thiện. Lại có thể nhẫn nhục đối với hết thấy mọi sự náo hại của kẻ khác. Đối với kẻ hành ác, có thể học tánh gắng nhẫn, làm mỏng sân giận, không xâm phạm náo hại kẻ khác. Lại có thể siêng năng tu tập tất cả minh xứ khiến càng thiện xảo, vì nhằm đoạn trừ tất cả nghi nạn của chúng sanh, vì nhằm ban cho chúng sanh các sự việc lợi ích, vì nhằm tự thâm nhận tất cả nhân của Trí. Lại có thể đối với bên trong khiến tâm an trụ, khiến tâm khéo định,, nơi tâm an trụ luôn siêng tu học. Vì nhằm tu trị làm thanh tịnh bốn thứ phạm trụ. Vì có thể hiện bày diệu dụng nơi năm thứ thần thông. Vì có thể thành lập sự việc lợi lạc cho chúng sanh. Vì nhằm dứt trừ các thứ mệt nhọc sanh ra do tinh tấn tu học tất cả thiện xảo. Lại tánh Huệ sáng thành tựu chân trí tốt bậc. Vì chân trí tốt bậc nên thường siêng năng tu học. Vì nhằm đạt Bát Niết bàn nơi vị lai cho chính mình, nên tu tập Đại thừa.

Lại nữa, các Bồ tát, vào lúc tu tập chánh hạnh như thế, nơi trụ xứ của các hữu tình có đủ công đức, luôn vui thích hiện tiền để cung kính, cúng dường. Nơi trụ xứ của các chúng sanh có nhiều lỗi lầm, luôn vui thích hiện tiền để phát khởi tâm bi mẫn tối thắng, tùy theo năng lực, khiến cho họ trừ dứt các lỗi lầm hiện có. Nơi trú xứ của các hữu tình đối với mình có oán hận, luôn đầy khởi tâm từ, tùy theo năng lực của mình, không đua nịnh, không đối gạt, tạo vô số lợi ích an lạc khiến các kẻ oán hận kia ý ưa thích gia hạnh lỗi lầm hiện có, cùng tâm oán hận tự nhiên đoạn trừ. Nơi trụ xứ của các hữu tình đối với mình có ân nghĩa, luôn khéo biết ân, hoặc bằng hoặc hơn, hiện tiền báo đáp, tùy theo năng lực đúng như pháp khiến tâm ý trông mong của họ đầy đủ, dù không năng lực, nhưng nếu các kẻ kia cầu thỉnh, tức ở những nơi tạo dựng sự nghiệp

của họ, luôn hiện bày sự ân cần, siêng năng lo liệu, trọn không dừng bỏ chỗ mong cầu của họ, làm thế nào khiến họ biết mình không đủ sức chứ không phải là không vui muốn giúp đỡ. Các loại như thế nên biết gọi là Bồ tát nhân gồm thâm lý không hý luận, dựa nơi chân trí tột bậc, tu gia hạnh chân chánh.

Do đạo lý nào nên biết các pháp tự tánh là ngôn từ? Nghĩa là tất cả pháp đều giả lập tự tướng, hoặc nói là sắc, hoặc gọi là thọ, nói rộng như trước, cho đến Niết bàn, nên biết hết thảy chỉ là giả kiến lập không có tự tánh, cũng không phải là sự giả lập ấy riêng có tự tánh, là nẻo hành của ngôn từ, là cảnh giới của ngôn từ. Các pháp như thế là không có tự tánh. Như ngôn từ được nêu bày, cũng không phải tất cả đều không thật có. Không phải có như vậy, cũng chẳng phải tất cả đều không thật có. Vì sao mà có? Nghĩa là là tăng thêm là vọng chấp thật không. Là tổn giảm là vọng chấp thật có. Như thế mà có, tức là tự tánh thắng nghĩa của các pháp, nên biết chỉ là cảnh giới nơi đối tượng hành của Trí không phân biệt. Nếu nơi các pháp các sự theo đầy dẫy khởi ngôn thuyết, tức đối với pháp kia sự kia cho là có tự tánh, như thế thì một pháp một sự nên có rất nhiều tự tánh. Vì sao? Vì đối với một pháp một sự thiết lập rất nhiều giả nói để giảng giải, biểu thị. Cũng chẳng phải là rất nhiều giả nêu để giảng giải biểu thị quyết định có thể đạt được. Nghĩa là tùy theo một giả nêu, nơi pháp kia sự kia có thể có phần, có tự tánh của nó, không phải là giả nêu khác. Vì thế, tất cả giả nêu hoặc đủ hoặc không đủ, nơi tất cả pháp, tất cả sự đều không có thể có phần có tự tánh.

Lại như trước nói các pháp như sắc v.v... nếu tùy theo chỗ giả nói có tự tánh, thì cần trước có sự, sau đấy theo chỗ mong muốn, thiết lập giả nói. Trước chưa thiết lập, thì khi giả nói kia, pháp kia sự kia nên không có tự tánh. Nếu không tự tánh thì không có sự thiết lập, giả nêu giảng giải biểu thị là không hợp đạo lý. Giả nêu, giảng giải, biểu thị đã không thật có, thì pháp kia sự kia theo chỗ giả nêu ấy mà có tự tánh, là không hợp đạo lý. Lại, nếu các sắc chưa lập giả nêu giảng giải biểu thị, thì trước đã có tánh của sắc, sau dựa nơi tánh của sắc để thiết lập, giả nêu thâm giữ lấy sắc, tức là là sắc để giả nêu giảng giải biểu thị. Nơi sắc tướng pháp, nơi sắc tướng sự nên khởi hiểu biết về sắc mà thật sự không khởi. Do nhân duyên này, do đạo lý này nên biết các pháp, tự tánh là ngôn từ. Như nói về sắc, thì thọ v.v... như trước đã nói, cho đến Niết bàn, nên biết cũng vậy.

Có hai loại người, đối với pháp, Tỳ-nại-da do Phật giảng nói đều bị hoại mất:

1. Đối với các pháp như sắc v.v..., đối với các sự như sắc v.v... cho là có giả nói về tự tánh, tự tướng, nơi thật không sự khởi chấp tăng trưởng.

2. Đối với việc giả nói về xứ của tướng, giả nói về chỗ dựa của tướng, tự tánh là ngôn từ nơi pháp tánh thắng nghĩa. Nghĩa là hết thấy chủng loại đều không thật có, nơi sự có thật đấy khởi chấp tổn giảm, nơi sự thật không đấy khởi chấp tăng trưởng, vọng lập là pháp với lỗi lầm hiện có đã nêu bày chỉ rõ như trước. Ở trong pháp như sắc v.v..., với sự thật không khởi chấp tăng trưởng, có lỗi lầm, nên đối với pháp, Tỳ-nại-da do Phật giảng nói hoàn toàn bị hoại mất. Đối với pháp như sắc v.v..., chỉ sự thật có khởi chấp tổn giảm, lỗi lầm hiện có là hủy hoại các pháp. Do lỗi lầm ấy nên đối với pháp, Tỳ-nại-da do Phật giảng nói là hoàn toàn bị hoại mất. Ta nay sẽ nói: Nghĩa là đối với các pháp như sắc kia v.v..., chỉ sự thật có khởi chấp tổn giảm, tức không chân thật cũng không hư giả. Hai thứ như vậy đều không hợp lý. Ví như cần có các uẩn như sắc v.v... mới có giả lập Bồ-đặc-già-la, chẳng phải là sự không thật mà có giả lập Bồ-đặc-già-la, chẳng phải là sự không thật mà có giả lập Bồ-đặc-già-la. Như vậy cần có các pháp như sắc v.v... chỉ sự thật mới có thể có được các pháp như sắc v.v... giả nêu được biểu thị, chẳng phải chỉ sự không mà có sắc v.v... được giả nêu, biểu thị. Nếu sự chỉ có giả không có thật, đã không nơi chốn nương dựa thì giả cũng không có. Như thế gọi là hủy hoại các pháp.

Như có một loại hữu tình nghe giảng nói về pháp tương ứng với tánh Không, tương ứng với Đại thừa khó lãnh hội, nghe giảng nói về kinh điển thâm diệu với nghĩa lý của mật ý hoàn toàn chưa hiển bày, nên không thể lý giải nghĩa được giảng nói đúng như thật, đấy khởi phân biệt hư vọng không như lý, do sự dẫn dắt của tầm tư không thiện xảo, nên khởi kiến giải như vậy, lập luận như vậy, tất cả chỉ là giả hay là chân thật. Hoặc hành quán ấy gọi là chánh quán. Hữu tình kia, nơi chốn nương dựa hư giả, chỉ sự là thật có, bác bỏ cho là không có. Tức là hết thấy hư giả đều không thì sao có thể có được. Hết thấy chỉ là giả, đấy là chân thật. Do đạo lý này, nên kẻ kia đối với chân thật cùng với hư giả hai thứ đều hủy báng, đều cho là không thật có. Vì hủy báng cả chân thật cùng hư giả, nên biết đó gọi là kẻ chấp không tội bậc. Chấp không như vậy nên hết thấy bậc có trí đồng phạm hạnh không nên cùng nói năng, không nên cùng trụ. Người chấp không cực đoan như thế có thể tự hủy hoại, cùng hủy hoại thế gian theo kiến chấp của họ. Đức Thế Tôn dựa nơi kẻ kia, mật ý nói: Thà như một loại khởi ngã kiến, không

như một loại chấp giữ không hết sức sai lầm. Vì sao? Vì kẻ khởi ngã kiến, chỉ mê lầm nơi cảnh giới của đối tượng được nhận thức, không hủy báng tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức, không do nhân này mà bị đọa vào các cõi ác. Đối với việc cầu pháp cầu giải thoát khổ của kẻ khác, không bị hư giả dối gạt, không tạo sự ngăn cản, nên đối với pháp đối với đế cũng có thể kiến lập. Đối với các học xứ không sanh chậm trễ.

Còn người chấp không cực đoan cũng mê lầm đối với cảnh giới của đối tượng được nhận thức, lại cũng hủy báng tất cả cảnh giới của đối tượng được nhận thức. Do nhân này nên bị đọa vào các cõi ác. Đối với việc cầu pháp cầu giải thoát khổ của kẻ khác, có thể bị hư giả lừa dối, cũng tạo sự trở ngại, đối với pháp đối với đế không thể kiến lập. Đối với các học xứ, sanh sự chậm trễ hết mực. Sự tổn giảm về thật có như thế, đối với với pháp, Tỳ-nại-da do Phật giảng nói là hoàn toàn hoại mất.

Thế nào gọi là chấp giữ về không một cách sai lầm? Đó là như có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, do kia nên không cũng không tin nhận, đối với đây mà không cũng không tin nhận. Như thế gọi là kẻ chấp giữ không một cách sai lầm. Vì sao? Vì do kia nên không thì kia thật là không. Đối với đây mà không thì đây thật là có. Do đạo lý này nên có thể nói là không, hoặc nói tất cả đều không thật có. Xứ nào, cái gì, do đâu gọi là không? Cũng không nên nói do đây, đối với đây tức nói là không. Vì thế gọi là kẻ chấp giữ không một cách sai lầm.

Thế nào lại gọi là kẻ khéo giữ lấy không? Nghĩa là do đối với đây kia không thật có, tức do kia nên chánh quán là không. Lại do ở đây còn lại thật là có, tức do phần còn lại nên nhận biết đúng như thật là có. Như vậy gọi là ngộ nhập nơi tánh Không như thật không điên đảo. Nghĩa là như đã nói ở trước, tất cả sự tướng như sắc v.v..., chỗ nói về sắc v.v... là giả nói về pháp của tánh đều không thật có. Vì vậy, đối với sự tướng như sắc này v.v... do sắc kia v.v... giả nói về pháp của tánh nên gọi đó là Không. Đối với tất cả sự tướng như sắc v.v..., cái gì là phần còn lại? Tức chỗ dựa của giả nói như sắc v.v..., hai thứ như thế đều nhận biết đúng như thật. Là ở trong ấy chỉ sự là thật có, ở trong chỉ sự cũng có chỉ là giả. Không ở nơi thật không khởi chấp tăng trưởng. Không ở nơi thật có khởi chấp tổn giảm. Không tăng không giảm, không lấy không bỏ, như thật nhận biết rõ, như thật chân như, lia ngôno từ nơi tự tánh. Như vậy gọi là kẻ khéo giữ lấy Không. Đối với tánh của pháp Không, có thể dùng Huệ diệu chân chánh khéo thông đạt. Như thế, thuận theo đạo lý được chứng

thành, nên biết các pháp lìa ngôn từ nơi tự tánh.

Lại do Thánh giáo, nên biết tự tánh của các pháp là lìa ngôn từ. Như Đức Phật Thế Tôn trong kinh Chuyển Hữu, vì nhằm hiển bày nghĩa này nên nói kệ:

*“Dùng các tên gọi kia  
Giảng giải các pháp ấy  
Trong đó không có kia  
Là pháp tánh các pháp”.*

Vì sao tụng này hiển bày nghĩa như thế? Nghĩa là đối với pháp tướng như sắc v.v... kiến lập tên gọi của pháp như sắc v.v... tức dùng tên gọi của pháp như sắc v.v... như thế để giảng giải, biểu thị. Theo chỗ nói về pháp tướng như sắc v.v..., hoặc nói là sắc, hoặc nói là thọ, hoặc gọi là tướng, nói rộng cho đến gọi là Niết-bàn, đối với tất cả pháp tướng như sắc ấy, thì tự tánh của sắc v.v... đều không thật có. Cũng không có pháp của tánh như sắc khác v.v..., mà ở trong ấy, pháp tướng như sắc v.v..., tánh lìa ngôn từ, ý nghĩa, chân thật là có, nên biết tức là tự tánh của thắng nghĩa, cũng là pháp tánh.

Lại, Đức Phật Thế Tôn, trong phẩm Nghĩa, nói:

*“Các thể tục thế gian  
Mâu Ni đều không vướng  
Không vướng ai hay chấp  
Thấy nghe mà không ái”.*

Vì sao tụng này hiển bày nghĩa như thế? Nghĩa là đối với sự tướng như sắc v.v... của thế gian với vô số giả nói như sắc hiện có v.v... gọi là các thể tục. Như việc giả nói kia đối với sự tướng ấy cho là có tự tánh, nơi thế tục như vậy Mâu Ni không vướng mắc. Vì sao? Vì do nhận thức không tăng thêm, tổn giảm, không có nhận thức điên đảo hiện tiền. Do đạo lý này nên gọi là không vướng mắc. Không vướng mắc như vậy thì ai lại có thể chấp giữ?

Do không kiến chấp nên đối với sự không chấp giữ tăng thêm, tổn giảm, đối với cảnh của đối tượng nhận thức có thể quan sát đúng đắn, nên gọi là thấy. Lắng nghe ngôn thuyết nơi cảnh giới của đối tượng nhận thức, nên gọi là nghe. Dựa vào chỗ thấy nghe ấy không sanh tham ái, cũng không tăng trưởng, chỉ ở nơi duyên kia đoạn dứt rốt ráo, an trụ nơi xả trên, nên gọi là không ái.

Lại, Đức Phật Thế Tôn vì Tán-tha-ca-đa-diễn-na kia mà nói như vậy: Bí-sô Tán-tha! Không dựa nơi địa mà tu Tĩnh lự. Không dựa nơi Thủy, không dựa nơi Hỏa, không dựa nơi Phong, không dựa nơi Không



xứ, không dựa nơi Thức xứ, không dựa nơi Vô sở hữu xứ, không dựa nơi Phi tướng phi phi tướng xứ, không dựa nơi đời này đời khác, không dựa nơi vầng sáng của mặt trời mặt trăng, không dựa nơi thấy nghe hiểu biết, không dựa nơi chỗ cầu, chỗ đạt, không dựa nơi ý theo tâm tứ, không dựa nơi tất cả mà tu Tĩnh lực. Thế nào là Bí sô tu tập Tĩnh lực? Không dựa nơi địa mà tu Tĩnh lực, nói rộng cho đến không dựa nơi tất cả mà tu Tĩnh lực. Nay Bí-sô Tán-tha! Hoặc có người đối với địa trừ bỏ tướng về đất, hoặc có kẻ đối với thủy trừ bỏ tướng về nước, nói rộng cho đến hoặc đối với tất cả trừ bỏ tướng về tất cả. Bí-sô tu tập Tĩnh lực như thế, vì Nhân-đà-la, vì Y-xá-na, vì các vị Thế chủ cùng các Thiên chúng, từ nơi xa làm lễ mà tán thán:

*Kính lễ Cát Tường Sĩ  
Kính lễ Sĩ Trung Tôn  
Ta nay chẳng biết ông  
Dựa gì tu Tĩnh lực?*

Vì sao kinh này hiển bày nghĩa như thế? Nghĩa là nơi tất cả sự tướng như địa v.v... nên đặt giả lập tên gọi như các địa v.v..., tức nơi các tướng ấy đối với sự tướng như sắc v.v... hiện có kia, hoặc khởi tăng thêm, hoặc khởi tổn giảm. Nếu ở nơi sự kia, khởi hữu thể có thể tăng thêm, chấp nơi tự tánh, gọi là Tướng tăng thêm. Khởi chỉ sự là có thể tổn giảm, chấp nơi trống nghĩa, gọi là Tướng tổn giảm. Người kia đối với tướng này có thể dứt trừ đúng đắn, có thể đoạn, có thể bỏ, nên gọi là trừ diệt. Vô lượng các loại Thánh ngôn như thế gọi là Chí giáo. Do Chí giáo tối thắng của Đức Như-lai ấy, nên biết tự tánh của các pháp là lìa ngôn từ.

Hỏi: Nếu như vậy thì do nhân duyên gì nên đối với tất cả các pháp tự tánh lìa ngôn từ mà khởi ngôn thuyết?

- Đáp: Nếu không dấy khởi ngôn thuyết thì không thể vì kẻ khác giảng nói tất cả các pháp tự tánh lìa ngôn từ, kẻ khác cũng không thể nghe về nghĩa như vậy. Nếu không có nghe, tức không thể biết hết thấy pháp ấy, tự tánh lìa ngôn từ. Vì muốn khiến cho kẻ khác nghe biết các pháp tự tánh lìa ngôn từ, do dấy đối với tự tánh lìa ngôn từ này mà dấy khởi ngôn thuyết.

Lại, các hàng ngu tối, do đối với chân như được hiển bày như vậy, mà không nhận biết rõ, nên từ nhân duyên này có tám phân biệt chuyển, có thể sanh ra ba sự, có thể phát khởi thế gian của tất cả hữu tình cùng khí thế gian.

Thế nào gọi là tám thứ phân biệt? Đó là:

1. Phân biệt của tự tánh.
2. Phân biệt sai biệt.
3. Phân biệt nắm giữ chung.
4. Phân biệt của ngã.
5. Phân biệt của ngã sở.
6. Phân biệt của ái.
7. Phân biệt của phi ái.
8. Phân biệt của chỗ cùng trái nhau kia.

Thế nào là tám thứ phân biệt như vậy có thể sanh ra ba sự? Nghĩa là, hoặc phân biệt của tự tánh, hoặc phân biệt sai biệt, hoặc phân biệt chấp chung, ba thứ này có thể sanh ra phân biệt về chỗ dựa của hý luận, phân biệt về đối tượng duyên của hý luận. Tức là sự tưởng như sắc v.v... làm chỗ dựa, chỗ duyên, nên gọi là chỗ thâm tóm của ngôn thuyết thuộc tưởng, gọi là chỗ hiển bày về phân biệt hý luận của ngôn thuyết thuộc tưởng. Là đối với sự ấy phân biệt lượng xét, chẳng phải một mà là rất nhiều phẩm loại sai biệt.

Hoặc phân biệt của ngã, hoặc phân biệt của ngã sở, hai thứ phân biệt này có thể sanh ra cội gốc của tất cả kiến chấp còn lại cùng Tát ca da kiến là cội gốc của mạn. Lại có thể sanh ra ngã mạn hiện có, là cội gốc của tất cả mạn còn lại.

Hoặc phân biệt của ái, hoặc phân biệt của phi ái, hoặc phân biệt của chỗ cùng trái nhau kia, theo như chỗ ứng hợp có thể sanh ra tham dục, sân hận, ngu si. Đó gọi là tám thứ phân biệt có thể sanh ra ba sự như thế, là:

- Sự nơi đối tượng duyên, chỗ dựa của phân biệt hý luận.
- Sự kiến chấp ngã mạn.
- Sự tham sân si.

Nên biết ở đây sự nơi đối tượng duyên, dựa của phân biệt hý luận làm nơi chốn nương dựa, sanh Tát-ca-da-kiến cùng ngã mạn. Hai thứ này làm chỗ dựa sanh ra tham sân si. Do ba sự ấy nên có thể hiển hiện khắp tất cả phẩm pháp lưu chuyển của thế gian.

Thế nào gọi là phân biệt của tự tánh? Nghĩa là đối với tất cả sự tưởng như sắc v.v..., phân biệt về tâm tư hiện có của vô số tự tánh như sắc v.v... Như thế gọi là phân biệt của tự tánh.

Thế nào gọi là phân biệt sai biệt? Nghĩa là đối với sự tưởng như sắc kia v.v... cho đấy là có sắc, cho đấy là không sắc; cho đấy là có thấy, cho đấy là không thấy; cho đấy là có đối, cho đấy là không đối; cho đấy là hữu lậu, cho đấy là vô lậu; cho đấy là hữu vi, cho đấy là vô vi; cho

đấy là thiện, cho đấy là bất thiện, cho đấy là vô ký; cho đấy là quá khứ, cho đấy là hiện tại, cho đấy là vị lai. Do đạo lý với vô lượng phẩm loại sai biệt như vậy, tức ở nơi tự tánh phân biệt về chốn dựa phân biệt về vô số nghĩa sai biệt kia. Như vậy gọi là phân biệt sai biệt.

Thế nào gọi là phân biệt nắm giữ chung? Tức là đối với sự tướng như sắc kia v.v... với ngã, hữu tình, thọ mạng, sự sanh v.v... giả tưởng, nêu đặt dẫn đến phân biệt. Nơi nhiều pháp chung, thì nắm giữ chung, làm nhân phân biệt mà chuyển. Đối với nhà cửa, quân binh, rừng núi, thức ăn uống, y phục, xe cộ v.v... giả tưởng, nêu đặt dẫn đến phân biệt. Như vậy gọi là phân biệt nắm giữ chung.

Thế nào gọi là phân biệt của ngã, của ngã sở? Nghĩa là nếu các sự hữu lậu có nắm giữ, trong thời gian dài luôn hành tập theo chỗ chứa nhóm của chấp ngã và ngã sở, do vốn đã thường xuyên hành tập theo tà chấp, tự thấy sự xử làm duyên sanh ra phân biệt hư vọng. Như thế gọi là phân biệt của ngã, của ngã sở.

Thế nào gọi là phân biệt của ái? Nghĩa là duyên nơi cảnh giới của sự không tịnh diệu, không hợp ý sanh ra phân biệt.

Thế nào gọi là phân biệt của chỗ cùng trái nhau kia? Đó là duyên nơi cảnh giới của sự tịnh diệu, không tịnh diệu, hợp ý, không hợp ý cùng lia sanh ra phân biệt. Ở đây, chỗ nêu lược có hai loại:

1. Phân biệt về tự tánh.
2. Phân biệt về sự của đối tượng duyên, dựa.

Hai thứ như thế từ vô thủy đến nay nên biết là đã lần lượt hỗ tương làm nhân. Nghĩa là phân biệt của đời quá khứ làm nhân có thể sanh ra sự nơi đối tượng duyên, dựa của phân biệt hiện tại. Sự nơi đối tượng duyên, dựa của phân biệt hiện tại đã được sanh rồi, lại có thể làm nhân sanh khởi phân biệt của đời hiện tại do nơi duyên, dựa kia.

Đối với phân biệt hiện nay không nhận biết rõ, nên lại sanh sự nơi đối tượng duyên, dựa của vị lai. Chúng sẽ sanh nên quyết định phải sanh dựa nơi duyên kia để khởi phân biệt.

Làm sao để nhận biết rõ về phân biệt như thế?

Tức do bốn thứ tâm tư, bốn thứ trí như thật.

Thế nào gọi là bốn thứ tâm tư? Đó là:

1. Tâm tư về danh.
2. Tâm tư về sự.
3. Tâm tư về tự tánh giả lập.
4. Tâm tư về sai biệt giả lập.

Tâm tư của danh: Nghĩa là các Bồ tát đối với danh chỉ thấy danh.

Đó gọi là tâm tư của danh.

Tâm tư của sự: Nghĩa là các Bồ tát đối với sự chỉ thấy sự. Đó gọi là tâm tư của sự.

Tâm tư của tự tánh giả lập: Nghĩa là các Bồ tát, đối với tự tánh giả lập chỉ thấy tự tánh giả lập. Đó gọi là tâm tư của tự tánh giả lập.

Tâm tư của sai biệt giả lập: Tức các Bồ tát đối với các sai biệt giả lập chỉ thấy các sai biệt giả lập. Đó gọi là tâm tư của sai biệt giả lập.

Các Bồ tát này, ở nơi danh, sự kia, hoặc quán lia tướng, hoặc quán hợp tướng. Nương dựa nơi danh, sự để quán hợp tướng, nên thông tỏ hai thứ tự tánh giả lập và sai biệt giả lập.

Thế nào gọi là bốn Trí Như thật? Đó là:

1. Trí Như thật do tâm tư về danh dẫn khởi.
2. Trí Như thật do tâm tư về sự dẫn khởi.
3. Trí Như thật do tâm tư về tự tánh giả lập dẫn khởi.
4. Trí Như thật do tâm tư về sai biệt giả lập dẫn khởi.

Thế nào là Trí Như thật do tâm tư về danh dẫn khởi? Đó là các Bồ tát đối với tâm tư về danh, chỉ có danh rồi, tức nơi danh ấy nhận biết rõ như thật. Nghĩa là danh như thế là nghĩa như thế, nơi sự lập giả, vì khiến cho thế gian dấy khởi tướng, dấy khởi nhận thức, dấy khởi ngôn thuyết. Nếu đối với tất cả sự tướng như sắc v.v... không giả kiến lập danh như sắc v.v... thì không thể có đối với sự tướng như sắc v.v... dấy khởi tướng về sắc. Nếu không có tướng tức không thể dấy khởi chấp tăng thêm. Nếu không có chấp tức không có ngôn thuyết. Nếu có thể nhận biết rõ đúng như thật như thế, đó gọi là Trí Như thật do tâm tư về danh dẫn khởi.

Thế nào là Trí Như thật do tâm tư về sự dẫn khởi? Nghĩa là các Bồ tát đối với tâm tư về sự, chỉ có sự rồi, quán thấy tất cả sự tướng như sắc v.v... tánh lia ngôn thuyết, không thể ngôn thuyết. Nếu có thể nhận biết rõ đúng như thật như vậy, đó gọi là Trí Như thật do tâm tư về sự dẫn khởi.

Thế nào là Trí Như thật do tâm tư về tự tánh giả lập dẫn khởi? Nghĩa là các Bồ tát đối với tâm tư về tự tánh giả lập, chỉ có tự tánh giả lập rồi, nhận biết rõ, thấu đạt đúng như thật về tự tánh giả lập hiện có trong sự tướng như sắc v.v... không phải là tự tánh của sự kia, mà giống như tự tánh của sự ấy hiển hiện. Lại có thể nhận biết rõ về tự tánh của sự kia cũng như ảnh tượng biến hóa, tiếng vang ứng hợp, bóng sáng, trăng trong nước, ánh lửa, mộng huyễn, tương tự hiển hiện, mà không phải là thể của tự tánh nơi sự ấy. Nếu có thể nhận biết rõ như thật về

cảnh giới nơi đối tượng hành của nghĩa hết sức thần diệu như thế, đó gọi là Trí Như thật do tầm tư về tự tánh giả lập dẫn khởi.

Thế nào là Trí Như thật do tầm tư về sai biệt giả lập dẫn khởi? Đó là các Bồ tát đối với tầm tư về sai biệt giả lập, chỉ có sai biệt giả lập rồi, nhận biết rõ, thấu đạt đúng như thật về nghĩa bất nhị của sai biệt giả lập trong sự tưởng như sắc v.v... Nghĩa là các sự kia không phải là có tánh, không phải là không tánh. Tánh có thể ngôn thuyết là không thành thật nên không phải là có tánh. Tánh là ngôn thuyết là thật thành lập, nên không phải là không tánh. Do thắng nghĩa đế như vậy nên sắc không phải là có, trong ấy không có các sắc pháp. Do thế tục đế nên sắc không phải là không, trong ấy không có các sắc pháp. Do thế tục đế nên sắc không phải là không, trong ấy nói có các sắc pháp. Như có tánh, không tánh, có sắc, không sắc thì môn sai biệt giả lập về có thấy, không thấy v.v... cũng như vậy.

Do đạo lý như thế, tức tất cả đều nên nhận biết rõ. Nếu có thể nhận biết rõ đúng như thật về nghĩa bất nhị của sai biệt giả lập như vậy, đó gọi là Trí Như thật do tầm tư về sai biệt giả lập dẫn khởi. Hàng ngu tối đối với bốn Trí Như thật này, vì có chỗ thiếu sót nên không hiện tiền, liền có tám thứ phân biệt tà vạy chuyển đổi, có thể sanh ra ba sự, có thể dấy khởi thế gian của tất cả hữu tình và khí thế gian. Nghĩa là do phân biệt tà vạy như thế nên khởi các tạp nhiễm. khởi tạp nhiễm nên lưu chuyển nơi sanh tử, ở trong sanh tử luôn trôi lăn, nên thường có vô lượng sự theo đuổi sanh tử, có vô số khổ của sanh lão bệnh tử lưu chuyển không dứt.

Bồ tát dựa nơi bốn Trí Như thật ấy, có thể nhận biết rõ, đúng về tám thứ phân biệt, ở trong hiện pháp nhận biết rõ, đúng, nên khiến cho sự nơi đối tượng duyên, dựa thuộc về hý luận của đời vị lai không sanh khởi nữa. Do không sanh khởi, nên ở đời vị lai, chỗ dấy khởi phân biệt theo đối tượng duyên, dựa kia cũng không sanh trở lại. Như vậy, phân biệt cùng sự nơi duyên dựa, cả hai cùng diệt, nên biết tất cả hý luận đều diệt. Bồ tát, nơi hý luận như thế đã diệt rồi, nên có thể chứng đắc Đại Bát Niết bàn của Đại thừa ở trong hiện pháp, nơi trí xứ hành của thắng nghĩa chân thật là hoàn toàn thanh tịnh, có thể đạt được khắp tất cả tự tại. Đây là các Bồ tát, nơi vô số hóa hiện đạt được thần thông có thể hóa hiện tự tại. Nơi vô số biến hiện, đạt được thần thông có thể hóa hiện tự tại. Đối khắp tất cả cảnh giới của đối tượng nhận thức, Trí đều được tự tại. Nếu muốn trụ lâu thì tùy chỗ ưa thích của mình, có thể an trụ tự tại. Hoặc muốn nhập diệt không đợi hại duyên thì có thể tự tại nhập diệt.

Do các Bồ tát đạt được vô lượng tự tại như thế, nên đối với các hữu tình, là vô thượng, tối thắng. Bồ tát đối khắp tất cả đạt được tự tại như thế nên thu được năm thứ thắng lợi tối thắng:

1. Đạt được tâm hết mực tịch tĩnh. Do trụ nơi tịch tĩnh tột cùng nên không do nơi phiền não được vắng lặng.

2. Có thể đối với tất cả minh xứ không chút trở ngại, nên trí kiến thanh tịnh trắng tươi vì diệu theo đấy mà chuyển.

3. Vì nhằm tạo lợi lạc cho các hữu tình, nên lưu chuyển trong sanh tử không có chán mệt.

4. Khéo hội nhập nơi tất cả ngôn nghĩa nơi mật ý của Như-lai.

5. Thắng giải về Đại thừa đạt được là không thể bị đoạt mất, không theo duyên nơi kẻ khác.

Nên biết năm thứ thắng lợi như thế có năm thứ nghiệp:

1. Bồ tát thành tựu hiện pháp lạc trụ tối thắng, có thể diệt trừ hết thảy các thứ mệt mỏi do thân tâm sanh ra, vì hưởng tới Bồ đề nên siêng năng tinh tấn gia hạnh. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: tâm đạt được tịch tĩnh hết mực.

2. Bồ tát có thể thành tựu đầy đủ về tất cả pháp Phật. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: đối với các minh xứ, trí kiến thanh tịnh vì diệu không chút trở ngại.

3. Bồ tát có thể thành tựu đầy đủ cho khắp tất cả hữu tình. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: lưu chuyển nơi sanh tử không có chán mệt.

4. Bồ tát có thể dứt trừ đúng đắn tất cả nghi hoặc đã sanh khởi của các hữu tình được minh hóa độ, hộ trì pháp nhãn chân chánh vì diệu của Như-lai khiến được trụ lâu, đối với trường hợp Thánh giáo của Như-lai bị chìm lặn, Chánh pháp trở nên mờ nhạt, Bồ tát có thể hiển bày, có thể làm cho mọi người đều nhận biết, có thể tiêu diệt đúng nguyên nhân tác hại kia. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: khéo hội nhập nơi ngôn nghĩa, mật ý của Như-lai.

5. Bồ tát có thể hàng phục dị luận của tất cả ngoại đạo, tinh tấn, kiên cố theo chánh nguyện không động. Nên biết đó gọi là nghiệp của thắng lợi: đạt được thắng giải về Đại thừa không thể bị đoạt mất, không theo duyên nơi kẻ khác.

Bồ tát như thế là hiện có được nơi chốn hành hóa của tất cả Bồ tát, đều được thâm nhận từ nghiệp của năm thứ thắng lợi như vậy.

Thế nào là nơi chốn hành hóa của tất cả Bồ tát? Đó là tự an lạc, không chút tạp nhiễm, có thể thành tựu đầy đủ khắp hết thảy pháp Phật.

Có thể thành thực khắp tất cả hữu tình, hộ trì Chánh pháp vô thượng của Như-lai, hàng phục mọi thứ luận của kẻ khác, tinh tấn dũng mãnh theo chánh nguyện không động.

Nên biết bốn nghĩa chân thật như thế, hai loại đầu là bậc hạ, loại thứ ba là bậc trung, loại thứ tư là tối thắng.

